

Số: 1014 /2022/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 07/2022 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 07/2022

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	TAC	DHM	AAA
2	ABS		ITD	ABS
3	ABT		SGR	ABT
4	ACB		VPH	ACB
5	ACC		VPS	ACC
6	ACL		YEG	ACL
7	ADG		EVF	ADG
8	ADS			ADS
9	AGG			AGG
10	AGM			AGM
11	AGR			AGR
12	ANV			ANV
13	APG			APG
14	APH			APH
15	ASM			ASM
16	ASP			ASP
17	BAF			BAF
18	BBC			BBC
19	BCE			BCE
20	BCG			BCG
21	BCM			BCM
22	BFC			BFC
23	BHN			BHN
24	BIC			BIC
25	BID			BID
26	BKG			BKG
27	BMC			BMC
28	BMI			BMI
29	BMP			BMP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
30	BRC			BRC
31	BSI			BSI
32	BTP			BTP
33	BVH			BVH
34	BWE			BWE
35	C32			C32
36	C47			C47
37	CAV			CAV
38	CCL			CCL
39	CDC			CDC
40	CHP			CHP
41	CKG			CKG
42	CLC			CLC
43	CLL			CLL
44	CMG			CMG
45	CMX			CMX
46	CNG			CNG
47	CRC			CRC
48	CRE			CRE
49	CSM			CSM
50	CSV			CSV
51	CTD			CTD
52	CTG			CTG
53	CTS			CTS
54	CVT			CVT
55	D2D			D2D
56	DAG			DAG
57	DAH			DAH
58	DBC			DBC
59	DBD			DBD
60	DBT			DBT
61	DCL			DCL
62	DCM			DCM
63	DGC			DGC
64	DGW			DGW
65	DHA			DHA
66	DHC			DHC
67	DHG			DHG
68	DIG			DHM
69	DMC			DIG
70	DPG			DMC
71	DPM			DPG
72	DPR			DPM
73	DQC			DPR
74	DRC			DQC
75	DRH			DRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
76	DRL			DRH
77	DSN			DRL
78	DVP			DSN
79	DXG			DVP
80	DXS			DXG
81	EIB			DXS
82	ELC			EIB
83	EVE			ELC
84	EVG			EVE
85	FCM			EVF
86	FCN			EVG
87	FIT			FCM
88	FMC			FCN
89	FPT			FIT
90	FRT			FMC
91	FTS			FPT
92	GAS			FRT
93	GDT			FTS
94	GEG			GAS
95	GEX			GDT
96	GIL			GEG
97	GMC			GEX
98	GMD			GIL
99	GSP			GMC
100	GTA			GMD
101	GVR			GSP
102	HAH			GTA
103	HAP			GVR
104	HAR			HAH
105	HAX			HAP
106	HBC			HAR
107	HCD			HAX
108	HCM			HBC
109	HDB			HCD
110	HDC			HCM
111	HDG			HDB
112	HHP			HDC
113	HHS			HDG
114	HID			HHP
115	HII			HHS
116	HMC			HID
117	HPG			HII
118	HPX			HMC
119	HQC			HPG
120	HSG			HPX
121	HSL			HQC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
122	HT1			HSG
123	HTI			HSL
124	HTL			HT1
125	HTN			HTI
126	HTV			HTL
127	HUB			HTN
128	HVH			HTV
129	IBC			HUB
130	ICT			HVH
131	IDI			IBC
132	IJC			ICT
133	ILB			IDI
134	IMP			IJC
135	ITC			ILB
136	KBC			IMP
137	KDC			ITC
138	KDH			ITD
139	KHG			KBC
140	KHP			KDC
141	KMR			KDH
142	KOS			KHG
143	KPF			KHP
144	KSB			KMR
145	L10			KOS
146	LBM			KPF
147	LCG			KSB
148	LDG			L10
149	LGC			LBM
150	LHG			LCG
151	LIX			LDG
152	LPB			LGC
153	LSS			LHG
154	MBB			LIX
155	MCP			LPB
156	MHC			LSS
157	MIG			MBB
158	MSB			MCP
159	MSH			MHC
160	MSN			MIG
161	MWG			MSB
162	NAF			MSH
163	NBB			MSN
164	NCT			MWG
165	NHA			NAF
166	NHH			NBB
167	NKG			NCT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch kỳ quỹ cuối tháng
168	NLG			NHA
169	NNC			NHH
170	NSC			NKG
171	NT2			NLG
172	NTL			NNC
173	NVL			NSC
174	OCB			NT2
175	OPC			NTL
176	ORS			NVL
177	PAC			OCB
178	PAN			OPC
179	PC1			ORS
180	PDN			PAC
181	PDR			PAN
182	PET			PC1
183	PGC			PDN
184	PGD			PDR
185	PGI			PET
186	PHC			PGC
187	PHR			PGD
188	PJT			PGI
189	PLP			PHC
190	PLX			PHR
191	PNJ			PJT
192	POW			PLP
193	PPC			PLX
194	PSH			PNJ
195	PTB			POW
196	PVD			PPC
197	PVT			PSH
198	QCG			PTB
199	RAL			PVD
200	REE			PVT
201	S4A			QCG
202	SAB			RAL
203	SAM			REE
204	SAV			S4A
205	SBA			SAB
206	SBT			SAM
207	SBV			SAV
208	SC5			SBA
209	SCR			SBT
210	SCS			SBV
211	SFC			SC5
212	SFG			SCR
213	SFI			SCS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
214	SGN			SFC
215	SGT			SFG
216	SHA			SFI
217	SHB			SGN
218	SHI			SGR
219	SHP			SGT
220	SJS			SHA
221	SMB			SHB
222	SMC			SHI
223	SPM			SHP
224	SRC			SJS
225	SRF			SMB
226	SSB			SMC
227	SSC			SPM
228	SSI			SRC
229	ST8			SRF
230	STB			SSB
231	STG			SSC
232	STK			SSI
233	SVC			ST8
234	SVI			STB
235	SVT			STG
236	SZC			STK
237	SZL			SVC
238	TAC			SVI
239	TBC			SVT
240	TCB			SZC
241	TCD			SZL
242	TCH			TBC
243	TCL			TCB
244	TCM			TCD
245	TCO			TCH
246	TCT			TCL
247	TDC			TCM
248	TDG			TCO
249	TDM			TCT
250	TDP			TDC
251	TDW			TDG
252	TEG			TDM
253	THG			TDP
254	THI			TDW
255	TIP			TEG
256	TLD			THG
257	TLG			THI
258	TLH			TIP
259	TMP			TLD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
260	TMS			TLG
261	TN1			TLH
262	TNA			TMP
263	TNC			TMS
264	TNH			TN1
265	TPB			TNA
266	TPC			TNC
267	TRA			TNH
268	TRC			TPB
269	TSC			TPC
270	TTA			TRA
271	TTB			TRC
272	TV2			TSC
273	TVB			TTA
274	TVS			TTB
275	TVT			TV2
276	TYA			TVB
277	UIC			TVS
278	VCB			TVT
279	VCG			TYA
280	VCI			UIC
281	VDP			VCB
282	VDS			VCG
283	VGC			VCI
284	VHC			VDP
285	VHM			VDS
286	VIB			VGC
287	VIP			VHC
288	VIX			VHM
289	VJC			VIB
290	VND			VIP
291	VNE			VIX
292	VNL			VJC
293	VNM			VND
294	VPB			VNE
295	VPG			VNL
296	VPI			VNM
297	VRC			VPB
298	VRE			VPG
299	VSC			VPH
300	VSH			VPI
301	VSI			VPS
302	VTO			VRC
303	YBM			VRE
304				VSC
305				VSH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
306				VSI
307				VTO
308				YBM
309				YEG

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 07/2022

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAV		IDJ	AAV
2	AMV			AMV
3	APS			APS
4	BAB			BAB
5	BAX			BAX
6	BCC			BCC
7	BCF			BCF
8	BNA			BNA
9	BPC			BPC
10	BTS			BTS
11	BVS			BVS
12	C69			C69
13	CAP			CAP
14	CDN			CDN
15	CEO			CEO
16	CLH			CLH
17	CVN			CVN
18	DDG			DDG
19	DHP			DHP
20	DHT			DHT
21	DL1			DL1
22	DNM			DNM
23	DNP			DNP
24	DP3			DP3
25	DS3			DS3
26	DTD			DTD
27	DXP			DXP
28	EID			EID
29	EVS			EVS
30	GIC			GIC
31	GKM			GKM
32	GMX			GMX
33	HAT			HAT
34	HCC			HCC

35	HDA			HDA
36	HHC			HHC
37	HJS			HJS
38	HLC			HLC
39	HLD			HLD
40	HMH			HMH
41	HOM			HOM
42	HTC			HTC
43	HUT			HUT
44	HVT			HVT
45	ICG			ICG
46	IDC			IDC
47	IDV			IDJ
48	INN			IDV
49	IPA			INN
50	ITQ			IPA
51	KKC			ITQ
52	LAS			KKC
53	LHC			LAS
54	LIG			LHC
55	MBG			LIG
56	MBS			MBG
57	MCF			MBS
58	MVB			MCF
59	NAG			MVB
60	NBC			NAG
61	NDN			NBC
62	NDX			NDN
63	NET			NDX
64	NRC			NET
65	NTP			NRC
66	NVB			NTP
67	ONE			NVB
68	PBP			ONE
69	PCE			PBP
70	PDB			PCE
71	PGN			PDB
72	PGS			PGN
73	PHN			PGS
74	PLC			PHN
75	PMC			PLC
76	PMS			PMC
77	PPS			PMS
78	PRE			PPS
79	PSD			PRE
80	PSE			PSD

81	PSI			PSE
82	PSW			PSI
83	PTI			PSW
84	PVB			PTI
85	PVC			PVB
86	PVG			PVC
87	PVI			PVG
88	PVS			PVI
89	QHD			PVS
90	RCL			QHD
91	S55			RCL
92	S99			S55
93	SCI			S99
94	SD5			SCI
95	SD6			SD5
96	SD9			SD6
97	SED			SD9
98	SFN			SED
99	SGC			SFN
100	SHN			SGC
101	SLS			SHN
102	SRA			SLS
103	TA9			SRA
104	TAR			TA9
105	TC6			TAR
106	TDN			TC6
107	TDT			TDN
108	THT			TDT
109	TIG			THT
110	TNG			TIG
111	TPP			TNG
112	TTC			TPP
113	TTT			TTC
114	TV3			TTT
115	TV4			TV3
116	TVC			TV4
117	TVD			TVC
118	VBC			TVD
119	VC2			VBC
120	VC3			VC2
121	VC7			VC3
122	VCC			VC7
123	VCS			VCC
124	VGS			VCS
125	VHE			VGS
126	VIF			VHE

127	VIT			VIF
128	VMC			VIT
129	VNC			VMC
130	VNF			VNC
131	VNR			VNF
132	VTV			VNR
133	WCS			VTV
134				WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 07/2022 là <https://www.shs.com.vn/News/202281/1011391/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-07-2022.aspx>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiển



TỔNG GIÁM ĐỐC

**TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Tiến**

